

Số: 12 /KH-TrPDL

Krông Buk, ngày 10 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH

Về việc thực hiện giáo dục, năm học 2023 - 2024

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục; Công văn số 3899/BGDĐT-GDTrH ngày 03/8/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định 1516/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về “thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024 của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk”

Công văn số 1387/SGDDĐT-GDTrH ngày của Sở GD&ĐT Đắk Lắk “về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024”.

Trường THPT Phan Đăng Lưu xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trường THPT Phan Đăng Lưu được thành lập ngày 31/8/2007 theo Quyết định số 2213 /QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Địa chỉ trường: Tổ dân phố 11, thị trấn Pong Drang, huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk.

- Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu: Thực hiện công tác giáo dục và đào tạo THPT cho con em nhân dân trên địa bàn huyện Krông Buk.

2.1. Đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên

2.1.1. Về số lượng

- Toàn trường có 60 người, trong đó, CBQL: 03 người, giáo viên: 50 người, nhân viên: 07 người được chia làm 8 tổ chuyên môn và Tổ Văn phòng, cụ thể: Tổ Toán có 8 GV, tổ Ngữ văn có 8 GV; tổ Tiếng Anh có 7 GV; Tổ Vật lí- CN có 6 GV và 1 CB thư viện; tổ Hóa học có 5 GV; tổ Sinh học – Tin học có 7 GV; tổ Địa lý – Lịch sử -GD&ĐT có 8 GV; tổ Thể dục-ANQP có 5 GV; tổ văn phòng có 6 thành viên.

- Các tổ chức khác: Đảng bộ gồm có 49 đảng viên, chia thành 03 Chi bộ; Công đoàn gồm có 60 công đoàn viên, chia thành 5 tổ công đoàn;

2.1.2. Chất lượng đội ngũ

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ đào tạo; trình độ Thạc sĩ có 08 người, đạt 15.09%; chưa đạt chuẩn: 0.

- Về trình độ lý luận chính trị: 06 người có trình độ Trung cấp chính trị - hành chính, 01 người đang học cao cấp lý luận chính trị.

- Giáo viên đạt danh hiệu “*giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh*”: 08 người , đạt 15.09%.

- Năm học 2022 – 2023: viên chức xếp loại “*Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ*” có 28 người, đạt tỉ lệ 45.9%; xếp loại “*Hoàn thành tốt nhiệm vụ*” có 33 người, đạt tỉ lệ 54.1%. Không có viên chức xếp loại “*Hoàn thành nhiệm vụ*” hoặc “*Không hoàn thành nhiệm vụ*”. Nhà trường và 9 tổ chuyên môn đều được công nhận “*Tập thể lao động Tiên Tiến*”; 61/61 CB, GV, nhân viên (100%) được công nhận “*Lao động Tiên tiến*”, 9 GV được công nhận “*Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở*”, đạt 15%; có 1 GV được đề nghị UBND tỉnh tặng “*Bằng khen*”; 01 tổ chuyên môn và 06 GV được sở GD&ĐT tặng “*giấy khen*”.

2.2. Tình hình học sinh

Đầu năm học 2023 – 2024 toàn trường có 23 lớp với 934 học sinh trong đó:

Khối 10 gồm có 9 lớp với 376 học sinh

Khối 11 gồm 8 lớp với 324 học sinh

Khối 12 gồm 6 lớp với 234 học sinh

Toàn trường có 680 đoàn viên, chia thành 23 chi đoàn học sinh

Chất lượng giáo dục năm học 2022 - 2023: tỉ lệ học sinh giỏi, khá đạt trên 40%; tỉ lệ tốt nghiệp đạt 99,66%, xếp thứ 17/58 trường THPT toàn tỉnh; có 7 học sinh đạt giải Olympic 10/3 (01 Huy chương Vàng; 05 huy chương Bạc; 01 huy chương Đồng), thi nghiên cứu khoa học đạt 01 giải Nhì, nhiều học sinh đạt các giải TDTT, Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh.

2.3. Cơ sở vật chất

Nhà trường có diện tích khuôn viên hơn 22.000 m², có cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học. Có 30 phòng học 10 phòng làm việc; có thư viện đạt chuẩn, 5 phòng thực hành bộ môn, thiết bị dạy học đạt chuẩn tối thiểu. Hệ thống hàng rào, cổng trường hoàn chỉnh, khuôn viên phù hợp môi trường sư phạm.

2.4. Thuận lợi, khó khăn

2.4.1. Thuận lợi

Tỉnh Đắk Lắk đã có sự phát triển mạnh mẽ về KT - XH. Sự phát triển kinh tế tạo tiền đề cho văn hóa - xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần, trình độ dân trí của nhân dân không ngừng được nâng lên, nhân dân có điều kiện để đầu tư cho con, em học tập.

Ngành GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk đã có những bước chuyển biến rõ rệt cả về số lượng, chất lượng và hiệu quả giáo dục. Mạng lưới trường lớp ở các cấp học, ngành học tiếp tục được mở rộng và phát triển. Chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên, tỉ lệ học sinh vào các trường Đại học càng tăng, có nhiều em đạt giải học sinh giỏi quốc gia.

Nhà trường được sự lãnh đạo, quan tâm của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Đắk Lắk, Huyện ủy, UBND huyện Krông Búk đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng xã hội tạo điều kiện cho việc triển khai chương trình giáo dục mới.

Đội ngũ viên chức nhà trường có tinh thần phấn đấu, vươn lên để từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục nhằm khẳng định vị thế của nhà trường cũng như tạo niềm tin cho nhân dân, chính quyền địa phương. Nhiều giáo viên có năng lực chuyên môn vững vàng, năng lực quản lý tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, có nhiều tâm huyết với nghề, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, có nhiều biện pháp để xây dựng nhà trường phát triển. Các tổ chuyên môn đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo định hướng nghiên cứu bài học, xây dựng chuyên đề dạy học.

Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu dạy học. Có đủ phòng học để thực hiện dạy học 1 ca/ngày; phòng làm việc, thư viện, phòng thực hành bộ môn đạt chuẩn tối thiểu. Khu giáo dục thể chất đang được dần hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dạy học theo chương trình GDPT 2018.

2.4.2. *Khó khăn*

Tỉnh Đắk Lắk nói chung huyện Krông Buk nói riêng, kinh tế còn chưa phát triển mạnh, đời sống nhân dân trên địa bàn còn nhiều khó khăn – đặc biệt là đồng bào DTTS tại chỗ.

Số học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn học tại trường còn nhiều, hàng năm chiếm tỷ lệ 10% - 12%, điều kiện học tập khó khăn.

Nhận thức của một bộ phận phụ huynh chưa đầy đủ về đổi mới giáo dục.

Yêu cầu của đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh phải có chuyên môn, thay đổi; Còn một số ít giáo viên chưa năng động, linh hoạt, chậm đổi mới phương pháp giáo dục, chưa chủ động tiếp cận chương trình đổi mới. Giáo viên còn ngại thực hiện dạy học theo định hướng STEM; tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp còn hạn chế.

Cơ chế chính sách về giáo dục mức độ thực hiện tự chủ chưa cao. Chưa có cơ chế thu hút giáo viên giỏi, học sinh giỏi, chế độ chính sách đối với giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi nhiều hạn chế. Ảnh hưởng của mặt trái kinh tế thị trường và lối sống thực dụng phần nào ảnh hưởng và tác động đến viên chức và học sinh; những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, lối sống thực dụng, tệ nạn xã hội xâm nhập vào học đường.

CSVC chỉ đáp ứng yêu cầu tối thiểu; thiết bị dạy học sử dụng để dạy học theo chương trình GDPT 2018 cơ bản tận dụng TBDH theo chương trình 2006 nên còn thiếu và chưa đồng bộ; máy chiếu, tivi phục vụ giảng dạy, học tập còn thiếu; Kinh phí của nhà trường eo hẹp, các nguồn thu đóng góp hạn chế.

2.5. **Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường**

Tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phân hoá sâu.

Căn cứ vào đội ngũ cán bộ giáo viên, cơ sở vật chất và điều kiện cụ thể, trường xây dựng 04 phương án môn học lựa chọn cho học sinh lớp 10.

- Nhóm môn học lựa chọn 1: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học. Chuyên đề: môn Toán, Lý, Hóa.

- Nhóm môn học lựa chọn 2: Hóa học, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ (trồng trọt). Chuyên đề: môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử

- Nhóm môn học lựa chọn 3: Vật lý, Địa lý, Giáo dục KT&PL, Công nghệ (Công nghiệp). Chuyên đề: môn Toán, Ngữ văn, Vật lý

- Nhóm môn học lựa chọn 4: Sinh học, Tin học, Địa lý, Giáo dục KT&PL. Chuyên đề: môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử

Sử dụng đa dạng các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, ngoài lớp; dạy học theo chủ đề/chuyên đề; dạy học trải nghiệm...

Sử dụng các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong và ngoài nhà trường. Ngoài một số tiết sinh hoạt dưới cờ với sự tham gia, phối hợp của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. 02 tiết tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy mô lớp;

Tổ chức thực hiện nội dung giáo dục địa phương: thực hiện mỗi tuần 1 chủ đề, nội dung theo tài liệu giáo dục địa phương do Sở GD & ĐT Đắk Lắk biên soạn.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

3.1. Mục tiêu chung

Trường THPT Phan Đăng Lưu phấn đấu xây dựng trở thành trường THPT đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 1 vào năm 2025; một địa chỉ giáo dục có uy tín với nhân dân và chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao.

Xây dựng nhà trường có môi trường giáo dục tốt, đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt học tốt, tăng cường công tác giáo dục đạo đức, tư tưởng, lối sống cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng tiếp cận trình độ tiên tiến của quốc gia. Chú trọng giáo dục cả về kiến thức, kỹ năng và đạo đức lối sống, thể chất theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

3.2. Mục tiêu cụ thể

TT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu đề ra	Kết quả	Đánh giá
I	<i>Đối với tập thể</i>			
1	Trường	Đạt từ “Tập thể LĐTT”		
2	Tổ đạt Tập thể LĐTT	≥5		
3	Đoàn trường	Vững mạnh		
4	Công đoàn trường	Vững mạnh		
II	<i>Đối với công chức, viên chức</i>			
5	Bảng khen tỉnh(cấp tương đương)	10%		
6	Giấy khen Sở GDĐT			
7	Chiến sĩ thi đua	15%		
8	Lao động Tiên Tiến	≥ 90%		

9	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	$\geq 80\%$ (số GV dự thi)		
10	Xếp loại CC, VC	Hoàn thành tốt nhiệm vụ $\geq 90\%$		
III	<i>Đối với kết quả học sinh</i>			
11	Học sinh đạt giải cấp tỉnh (Thi HSG K12, NC KHKT, Olympic 10/3)	≥ 10 HS		
12	Tỉ lệ TN THPT	\geq TB chung toàn tỉnh		
13	Học sinh đạt giải cấp tỉnh TD-TT	≥ 3		
14	<i>Hạnh kiểm</i>			
14.1	Tốt	$\geq 95\%$		
14.2	Khá			
14.3	Trung bình (đạt)	$\leq 5\%$		
14.4	Yếu (chưa đạt)	1%		
15	<i>Học lực</i>			
15.1	Giỏi, Xuất sắc	$\geq 5\%$		
15.2	Khá	$\geq 35\%$		
15.3	Từ TB (đạt) trở lên	$\geq 90\%$		
15.4	Yếu	$\leq 10\%$		
	Kém			
16	<i>Lớp Xuất sắc</i>	≥ 05 lớp		
17	<i>Lớp tham gia các phong trào</i>	100%		

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
4.1. Thời lượng tiết học Chương trình GDPT

TT	Môn	KHỐI 10								KHỐI 11								KHỐI 12										
		A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	TC	A1	A2	A3	A4	A5	A6	A7	A8	A9	TC	A1	A2	A3	A4	A5	A6	TC
1	Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	27	3	3	3	3	3	3	3	3	3	24	3	3	3	3	3	3	24
2	Ngữ Văn	3	3	3	3	3	3	3	3	3	27	3	3	3	3	3	3	3	3	3	24	3	3	3	3	3	3	24
3	Tiếng Anh	3	3	3	3	3	3	3	3	3	27	3	3	3	3	3	3	3	3	3	24	3	3	3	3	3	3	24
4	Lịch sử	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	13,5	12	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	12	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	9
5	GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	18	16	2	2	2	2	2	2	2	2	2	12	2	2	2	2	2	2	12
6	GDQP	1	1	1	1	1	1	1	1	9	8	1	1	1	1	1	1	1	1	1	8	1	1	1	1	1	1	6
7	Vật lý	2	2	2	2	2	2	2	2	14	12	2	2	2	2	2	2	2	2	2	15	2	2	2	2	2	2	15
8	Hóa học	2	2	2	2	2	2	2	2	14	10	2	2	2	2	2	2	2	2	2	15	2	2	2	2	2	2	15
9	Sinh Học	2	2	2	2	2	2	2	2	14	10	2	2	2	2	2	2	2	2	2	15	2	2	2	2	2	2	15
10	Địa lý	2	2	2	2	2	2	2	2	14	10	2	2	2	2	2	2	2	2	2	15	2	2	2	2	2	2	15
11	KT&PL	2	2	2	2	2	2	2	2	14	10	2	2	2	2	2	2	2	2	2	15	2	2	2	2	2	2	15
12	Tư học	2	2	2	2	2	2	2	2	12	10	2	2	2	2	2	2	2	2	2	15	2	2	2	2	2	2	15
13	CNCN	2	2	2	2	2	2	2	2	04	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
14	CNNN	2	2	2	2	2	2	2	2	02	0	2	2	2	2	2	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2	2	0
15	Âm nhạc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Hội họa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	HD TN&SHN	3	3	3	3	3	3	3	3	27	24	3	3	3	3	3	3	3	3	3	24	3	3	3	3	3	3	24
18	GDP	1	1	1	1	1	1	1	1	9	7	1	1	1	1	1	1	1	1	1	7	1	1	1	1	1	1	7
19	CD Toán (Bám sát K12)	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
20	CD Văn (bám sát K12)	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	1,5
21	CD Hóa học (bám sát K12)	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25	1,5
22	CD Sinh học	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
23	CD Nghệ văn (Bám sát khối 12.)	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
24	CD Lịch sử	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
25	CD Đan Ý	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
26	CD GDKT&PL	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6
27	Bám sát Tiếng Anh	1	1	1	1	1	1	1	1	9	4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	6	1	1	1	1	1	1	6

4.2. Nội dung chương trình giáo dục

4.2.1. Chương trình giáo dục các môn học

a) Các lớp khối 10, 11

- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo TT32/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 “*về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*” và sách giáo khoa sử dụng theo Quyết định số 21/QĐ-TrPDL ngày 21/6/2022 của trường THPT Phan Đăng Lưu về “*Danh mục sách giáo khoa lớp 10 từ năm học 2022 - 2023*” ; Quyết định số 59 /QĐ-TrPDL ngày 17/7/2023 của trường THPT Phan Đăng Lưu “*về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 11 và môn Lịch sử, Công nghệ (định hướng công nghiệp) lớp 10 từ năm học 2023 – 2024*”.

- Các văn bản thực hiện: Công văn 3899/BGDĐT-GDTrH ngày 03/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “*V/v triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2023-2024*”; Công văn 1496/BGDĐT-GDTrH ngày 19/4/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “*V/v triển khai thực hiện chương trình giáo dục trung học năm học 2022-2023*” (điều chỉnh theo TT13/2022/TT-BGDĐT); công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 “*V/v xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường*”; công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 “*Hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh từ năm học 2017 - 2018*”; Công văn số 1387/SGDĐT-GDTrH-GDTrH ngày 25/8/2023 của Sở GD&ĐT Đắk Lắk “*về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024*”.

- Kiểm tra, đánh giá: Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 “*Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*”.

- Đối với môn Lịch sử, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong dạy học Lịch sử.

- Đối với môn Ngữ văn, thực hiện tốt yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2022 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

b) Các lớp khối 12

- Thực hiện theo CTGDPT 2006 theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT; Tiếp tục thực hiện dạy học theo hướng dẫn tại Công văn số 3280/BGDĐT-

GĐTrH ngày 27/8/2020 về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

- Các văn bản thực hiện: công văn 3899/BGDĐT-GĐTrH ngày 03/8/2023 “*V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024*”; công văn số 3280/BGDĐT-GĐTrH ngày 27/8/2020 đối các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân; và công văn 5842/BGDĐT-GĐTrH ngày 01/9/2011 đối với các môn học còn lại.

- Kiểm tra, đánh giá: Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 về “*Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS, THPT*”; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT; Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GD&ĐT về Ban hành “*Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*”.

- Riêng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện dạy học theo Thông tư 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ GD&ĐT Ban hành “*Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông*” và tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh thực hiện theo Thông tư 40/2012/BGDĐT ngày 19/11/2012 của Bộ GD&ĐT.

- Tăng cường nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh trong nhà trường; thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực tiếng Anh cho học sinh theo Công văn số 5333/BGDĐT-GĐTrH ngày 29/9/2014 và Công văn số 3333/BGDĐT-GĐTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GD&ĐT.

c) *Các văn bản về liên quan CSVC, TBDH*: Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 “*về Quy định tiêu chuẩn CSVC trường ..., THPT*”; Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 về “*Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT*”;

d) *Qui định thời gian học*: Theo Quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học của UBND tỉnh Đắk Lắk

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2023 đến 15/01/2024 (18 tuần thực học);

- Học kỳ II: Từ ngày 15/01/2024 đến 25/5/2025 (17 tuần thực học);

- Kết thúc năm học trước 31/5/2024.

4.2.2. Các hoạt động giáo dục

a) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy

mô trường; với bốn loại hình hoạt động chủ yếu là Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ.

- Yêu cầu có sự tham gia, phối hợp của: giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học, cán bộ tư vấn tâm lý học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ quản lý nhà trường, cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Đội ngũ giáo viên đã được tham gia tập huấn Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, khi tổ chức hoạt động có quy mô theo khối lớp hoặc toàn trường cần phân công rõ người chủ trì, người phối hợp, xác định nhiệm vụ của từng giáo viên được phân công.

- Phân công đồng chí Hoàng Phúc Lộc – Phó hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động và kiểm tra đánh giá cụ thể.

b) Hoạt động nội dung giáo dục địa phương

- Thực hiện dạy học giáo dục địa phương khối lớp 10 theo Chương trình Tài liệu đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Riêng khối lớp 11 sẽ triển khai thực hiện khi tài liệu được Bộ GDĐT phê duyệt và Hướng dẫn của sở GD&ĐT.

- Hình thức: học tập trung theo nội dung, chủ đề.

- Thời lượng: thực hiện 01 chủ đề/tuần.

- Ưu tiên phân công giáo viên đảm nhận các nội dung phù hợp với chuyên môn của giáo viên. Trước hết, ưu tiên các môn: *Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Sinh học* và các tổ chuyên môn còn thiếu tiết so tiêu chuẩn và cá nhân khác có năng lực thực hiện.

- Về thực hiện kiểm tra, đánh giá: Đối với khối lớp 10: thực hiện theo Hướng dẫn số 02/HD-TrPDL ngày 22/02/2023;

c) Hoạt động GDTC

- Thực hiện theo chương trình giáo dục 2006, chương trình giáo dục 2018 của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn thực hiện Sở GD&ĐT.

4.2.3. Một số hoạt động giáo dục khác

a) Hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, dạy ôn tập học sinh

- Thời gian: Từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024.

- Nội dung:

+ Từ 9/2023 – 02/2024: Bồi dưỡng học sinh giỏi dự thi Olympic 10/3 (lớp 10, 11), HSG lớp 12 cấp tỉnh các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tin học, GDKT&PL.

+ Từ 02/2024: Ôn tập thi tốt nghiệp 2024 cho các học sinh lớp 12 có nhu cầu đối với tất cả các môn vào buổi chiều. Học phí ôn tập theo thỏa thuận với CMHS. Tổ chức thi thử tốt nghiệp vào cuối tháng 4/2024.

- Hình thức: tập trung tại trường.

b) Triển khai cuộc thi KHKT cấp trường, dự thi cấp tỉnh

- Thời gian: Từ tháng 9/2023 đến tháng 01/2024

- Nội dung:

+ Tổ chức thi KHKT cấp trường, chọn dự án dự thi cấp tỉnh.

+ Khuyến khích học sinh toàn trường nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật, công nghệ và vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Góp phần đổi mới hình thức tổ chức dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập; phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh.

- Hình thức: lập dự án và nghiên cứu.

c) Hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh 12 trong học kỳ 1. Giúp cho học sinh định hướng đúng trong việc lựa chọn môn học, khối thi.

- Tổ chức hoạt động STEM cấp trường cho học sinh, khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật, công nghệ.

- Thành lập câu lạc bộ Tiếng Anh và tổ chức cuộc thi hùng biện tiếng Anh theo chủ đề.

4.3. Khung thời gian hoạt động trong ngày

- Buổi sáng: bắt đầu hoạt động từ 6h45 đến 11h15.

- Buổi chiều: bắt đầu hoạt động từ 13h30 đến 17h15.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Công tác chuyên môn

5.1.1. Đổi mới quản lý dạy học

a) Mục tiêu

Quản trị nhà trường hiệu quả, chất lượng; nâng cao năng lực quản lý; Phân đầu nâng số lượng viên chức có trình độ trên chuẩn.

b) Nhiệm vụ, giải pháp

- Tăng cường đổi mới quản lý việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục theo hướng tự chủ; củng cố kỷ cương, nề nếp trong dạy học, kiểm tra, đánh giá; đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Nâng cao trách nhiệm và năng lực lãnh đạo, quản lý của lãnh đạo trường, người đứng đầu. Phân công trách nhiệm rõ ràng, phát huy năng lực của cán bộ,

giáo viên.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Khai thác sử dụng các phần mềm quản lý giáo viên, học sinh, tài chính, thư viện. Nâng cao hiệu quả Website, thực hiện báo cáo thông tin qua Email, v.v...

- Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời các sai phạm. Thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác tự phê bình và phê bình.

- Xây dựng chủ đề dạy học, phân phối chương trình

+ Các tổ chuyên môn, giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng chủ đề dạy học trong mỗi môn học, đồng thời xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy phù hợp với các chủ đề, theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

+ Trên cơ sở kế hoạch giáo dục đã được phê duyệt, tổ chuyên môn, giáo viên có thể thiết kế tiến trình dạy học cụ thể cho mỗi chủ đề. Mỗi chủ đề có thể được thực hiện ở nhiều tiết học, mỗi tiết có thể chỉ thực hiện một hoặc một số bước trong tiến trình sư phạm của bài học. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện ở trong hoặc ngoài giờ trên lớp.

+ Thực hiện đúng số tiết của mỗi chương, số tiết dạy các bài thực hành, thí nghiệm, thời lượng và số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra cuối kỳ các môn học.

- Đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

+ Chỉ đạo và tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh.

+ Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.

+ Tăng cường tổ chức hoạt động đề xuất và lựa chọn, hoàn thiện các câu hỏi, bài tập kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực để bổ sung cho thư viện câu hỏi của nhà trường; xây dựng nguồn học liệu mở (thư viện học liệu) về câu hỏi, bài tập, kế hoạch bài học, tài liệu tham khảo.

- Nâng cao chất lượng dạy học, sinh hoạt tổ chuyên môn

+ Đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Nâng cao chất lượng giờ dạy. Đảm bảo cân đối giữa truyền thụ kiến thức và rèn luyện kỹ năng, liên hệ thực tế. Xây dựng kế hoạch bài học theo chuỗi hoạt động, tăng cường, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học của học sinh, thực hiện cả ở trên lớp và ngoài lớp học.

+ Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh trình bày, thảo luận, luyện tập, thực hành, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

+ Nhà trường tiến hành giao chỉ tiêu chất lượng đến tổ chuyên môn và giáo viên. Đồng thời các tổ chuyên môn phải xây dựng giải pháp để nâng cao chất lượng; cuối kì, cuối năm có đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu được giao đến từng tổ chuyên môn và từng cá nhân.

+ Tổ chức thi GVĐG cấp trường, qua đó để đánh giá năng lực đội ngũ, có cơ sở để xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán về chuyên môn.

- Tiếp tục đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học, sinh hoạt theo chủ đề, đảm bảo sinh hoạt thường kỳ nghiêm túc và chất lượng. Chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học trong nhà trường. Chủ động triển khai các hoạt động chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014, Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT.

5.1.2. Tham gia các hoạt động chuyên môn

a) Mục tiêu

Tổ chức thi cấp trường, tham gia đầy đủ các cuộc thi cấp tỉnh: thi học sinh giỏi môn văn hóa, hội khỏe phù đổng, thi KHKT.

b) Giải pháp

Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các cuộc thi đúng qui chế. Các tổ chuyên môn chỉ đạo giáo viên chú trọng công tác bồi dưỡng đội tuyển, nhà trường.

Đối với thi HSG các môn văn hóa, thi sáng tạo KHKT, các tổ xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên bồi dưỡng, hướng dẫn.

Đối với thi Hội khỏe phù đổng: tổ Thể dục chủ động tham mưu lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch cấp trường tổ chức sơ tuyển lập đội tuyển tập luyện để tham gia thi cấp tỉnh theo kế hoạch của Sở GD.

Đối với hoạt động NCKH ngay từ đầu năm học tổ chức đăng ký đề tài, thi ý tưởng cấp trường và chọn những ý tưởng đạt yêu cầu chuẩn bị thi theo kế hoạch của Sở GD&ĐT. Giáo viên có ý tưởng, học sinh có năng lực đăng kí, lựa chọn ý tưởng triển khai thông qua hội đồng khoa học của nhà trường.

5.2. Công tác quản lý, chỉ đạo

5.2.1. *Đảng ủy*

Lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, ban hành nghị quyết của Đảng bộ về hoạt động giáo dục của nhà trường, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng cán bộ, đảng viên, giáo viên.

5.2.2. *Lãnh đạo nhà trường*

Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng căn cứ nhiệm vụ được phân công theo Quyết định số 14 /QĐ-TrPDL ngày 22/3/2023 để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện cụ thể đối với các lĩnh vực được phân công phụ trách.

5.2.3. *Tổ chuyên môn*

- Phân công nhiệm vụ cho giáo viên.
- Tổ chức xây dựng Kế hoạch Tổ chuyên môn
- Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục.
- Xây dựng các chủ đề dạy học.
- Xây dựng các chuyên đề chuyên sâu theo bộ môn.
- Kiểm tra, giám sát giáo viên trong thực hiện chương trình giáo dục, v.v...
- Thực hiện kịp thời chế độ báo cáo với lãnh đạo trường về việc thực hiện nhiệm vụ của tổ, của giáo viên.

5.2.4. *Cán bộ, giáo viên, nhân viên*

- Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học theo yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục cho từng lớp theo phân công và thời khoá biểu.

- Huy động các lực lượng cộng đồng tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tham gia bồi dưỡng, tự bồi dưỡng theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục THPT.

- Phối hợp và hỗ trợ đồng nghiệp trong thực hiện KHGD nhà trường.

5.3. Công tác kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch

- Các tổ chuyên môn hàng tháng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đề ra, báo cáo lãnh đạo nhà trường;

- Lãnh đạo nhà trường kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch của giáo viên, các tổ chuyên môn, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện hàng tuần, hàng tháng, học kỳ, năm học;

- Bám sát vào các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình;

- Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh các tổ chuyên môn, giáo viên có thể trao đổi góp ý trực tiếp về lãnh đạo nhà trường để điều chỉnh bổ sung kế hoạch giáo dục năm học, lịch hoạt động dạy học, giáo dục phù hợp với tình hình thực tế.

5.4. Chế độ thông tin, báo cáo

- Ban biên tập đăng Kế hoạch trên trang thông tin điện tử nhà trường;
- Thực hiện báo cáo của giáo viên, tổ chuyên môn, các bộ phận hàng tuần, hàng tháng, học kỳ, năm học đầy đủ kịp thời;
- Báo cáo Sở GD & ĐT đúng qui định;
- Sử dụng các phần mềm, hệ thống email, zalo để báo cáo.

Trên đây là nội dung kế hoạch giáo dục nhà trường, các cá nhân, tập thể liên quan làm căn cứ để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện theo từng nội dung, lĩnh vực liên quan.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, phát sinh nội dung mới phản ánh về lãnh đạo nhà trường để sửa đổi, bổ sung kịp thời./.

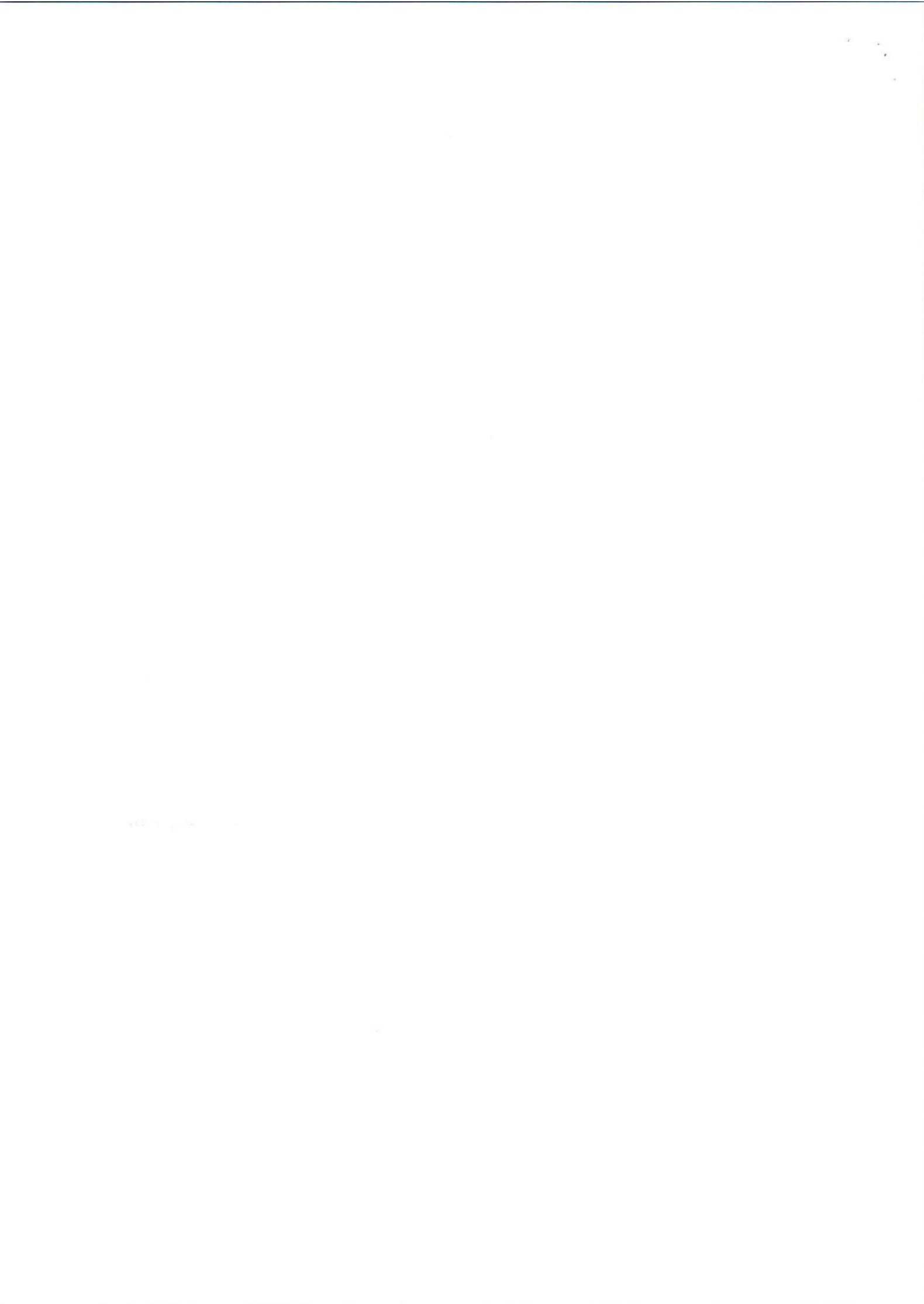
Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT, ĐU (Báo cáo);
- Phòng GDTrH;
- CD, Đ.trường (phối hợp);
- PHT, TT, TP (t/c thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Văn Thọ





(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 12/KH-TrPDL ngày 10 tháng 9 năm 2023)

TT	Lớp	Môn học lựa chọn	Chuyên đề	Ghi chú
1	11A1, 11A2	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học	
2	11A3, 11A4	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Hóa học, Sinh học	
3	11A5, 11A6	Vật lý, Công nghệ (trồng trọt), Địa lý, GD KT&PL	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	
4	11A7	Sinh học, Công nghệ (trồng trọt), Địa lý, GD KT&PL	Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL	
5	11A8	Sinh học, Công nghệ (trồng trọt), Địa lý, GD KT&PL	Lịch sử, Địa lý, GDKT&PL	
6	10A1, 10A2	Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học	Toán, Vật lý, Hóa học	
7	10A3	Hóa học, Địa lý, Công nghệ (trồng trọt) GDKT&PL	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	
8	10A4, 10A5	Vật lý, Công nghệ (cơ khí), Địa lý, GD KT&PL	Toán, Ngữ văn, Vật lý	
9	10A6, 10A7, 10A8, 10A9	Sinh học, Tin học, Địa lý, GD KT&PL	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	



(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 12/KH-TĐPDL ngày 10 tháng 9 năm 2023)

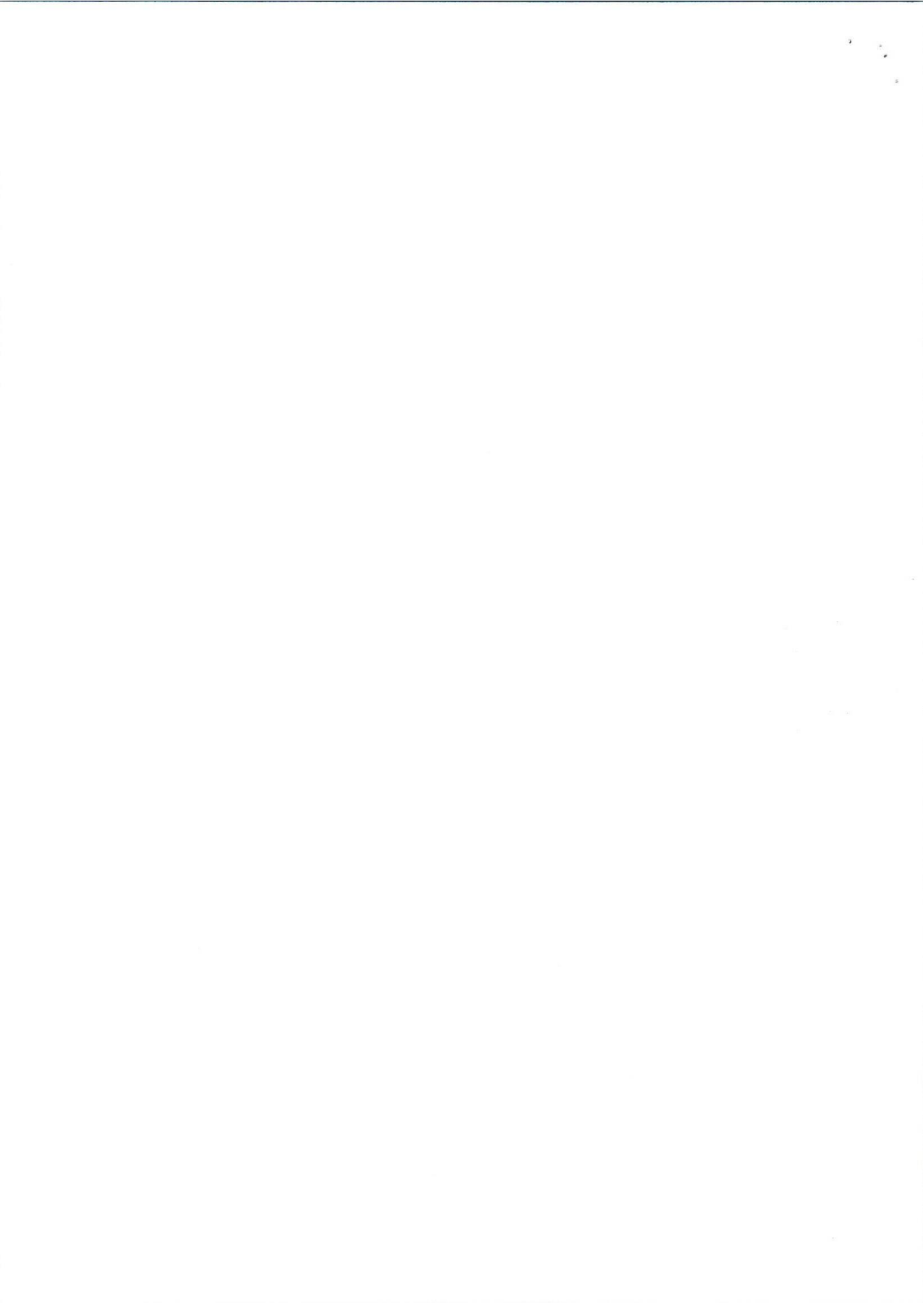


LỊCH DẠY HỌC CHUYÊN ĐỀ CÁC MÔN KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024

TT	Môn	Tên chuyên đề	Số tiết	Tuần thực hiện	Hình thức tổ chức	Ghi chú
1	Toán 10	Hệ phương trình bậc nhất 3 ẩn	12	8-13	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Phương pháp quy nạp toán học, nhị thức newton	12	13-15; 31; 32		
		Ba đường conic và ứng dụng	11	25-32		
2	Toán 11	Phép biến hình trong mặt phẳng	15	4-8	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Làm quen với một vài khái niệm của lí thuyết đồ thị	10	10-12		
		Một số yếu tố vẽ kĩ thuật	10	16-17; 32-34		
3	Vật lý 10	Vật lí trong một số ngành nghề	10	7-11	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Trái đất và bầu trời	10	16-20		
		Vật lí với giáo dục bảo vệ môi trường	15	29-34		
4	Vật lý 11	Trường hấp dẫn	15	5-8	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Truyền thông tin bằng sóng vô tuyến	10	17-21		
		Mở đầu điện từ học	10	26-30		
5	Hóa học 10	Cơ sở Hóa học	15	2, 3 và 14-16	Tập trung tại lớp Học tập trung tại phòng TN hoặc phòng máy tính	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Cơ sở hóa học; Hóa học trong việc phòng chống cháy nổ	10	20-25		
		Thực hành Hóa học và công nghệ thông tin	10	32-35		
6	Hóa học 11	Chuyên đề phân bón	10	1-10	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Trải nghiệm thực hành hóa hữu cơ	15	11 -25		
		Dầu mỏ và chế biến dầu mỏ	10	26-35		



7	Sinh học 11	Dinh dưỡng khoáng- Tăng năng suất cây trồng và nông nghiệp sạch	10	1-10	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Một số bệnh dịch ở người và cách phòng chống	15	11 - 25		
		Vệ sinh an toàn thực phẩm	10	26 - 35		
8	Ngữ văn 10	Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian	10	12, 14, 15	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Sân khấu hóa tác phẩm văn học	15	15,16, 19, 20		
		Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	10	28,31,33		
9	Ngữ văn 11	Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học trung đại Việt Nam	10	11,12,13	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Tìm hiểu ngôn ngữ trong đời sống xã hội hiện đại	10	16,17,20		
		Đọc viết và giới thiệu về một tác giả văn học	15	23,23,23,26		
10	Lịch sử 10	Các lĩnh vực của sử học	10	1-10	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam	15	23-26		
		Nhà Nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	10	27-35		
11	Lịch sử 11	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	15	1-15	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Chiến tranh và hoà bình trong thế kỉ XX	10	16-25		
		Danh nhân trong lịch sử Việt Nam	10	26-35		
12	Địa lý 11	Một số vấn đề về khu vực Đông Nam Á	15	1-15	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Một số vấn đề về du lịch thế giới	10	16-25		
		Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0)	10	26-35		
13	Giáo dục KT&PL 11	Sự phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên	15	1-15	Tập trung tại lớp	1 tiết/tuần rải đều theo TKB
		Một số vấn đề về pháp luật lao động	10	16-25		
		Một số vấn đề về pháp luật dân sự	10	26-35		



Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 12 KH-Tr/PPDL ngày 10 tháng 9 năm 2023)

BẢNG TÓM TẮT

CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ LỚP 10, 11 NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT)

Hình thức đánh giá (theo Điều 5)	Môn học/hoạt động (theo Điều 5)	Bài kiểm tra thường xuyên (theo Điều 6)		Bài kiểm tra định kỳ (theo Điều 7): có 01 bài(lần) giữa kỳ; 01 bài (lần) cuối kỳ		Ghi chú
		Số bài/lần	Đánh giá kết quả học tập môn học	Thời gian	Đánh giá kết quả học tập môn học	
Kiểm tra, đánh giá bằng nhận xét	Giáo dục thể chất; Nội dung giáo dục địa phương; Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Mỗi học kì chọn 02 (hai) lần	“Đạt” hoặc “Chưa đạt”	(theo Điều 7)	“Đạt” hoặc “Chưa đạt”	
Kiểm tra, đánh giá bằng nhận xét kết hợp cho điểm	Các môn học còn lại	- Môn học có 35 tiết/năm: 02. - Môn học trên 35 đến 70 tiết/năm: 03. - Môn học có trên 70 tiết/năm: 04.	Theo thang điểm 10 và lấy đến 01 chữ số thập phân	- Môn học từ 70 tiết/năm học trở xuống là 45 phút. - Môn học trên 70 tiết/năm học từ 60 phút đến 90 phút.	Theo thang điểm 10 và lấy đến 01 chữ số thập phân	
Cụm chuyên đề môn học	Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật	- Kiểm tra, đánh giá theo từng chuyên đề học tập, trong đó chọn kết quả của 01 (một) lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. - Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là kết quả của 01 (một) lần đánh giá thường xuyên của môn học đó.			Không thực hiện	

- Tổ chuyên môn tổ chức nghiên cứu kỹ: khoản 1,2 Điều 5; khoản 1 Điều 6, Điều 7 trong kiểm tra đánh giá học sinh.
- Đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh: Điều 8. Đánh giá kết quả học tập của học sinh: Điều 9.
- Đánh giá học sinh được miễn học phần thực hành môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh: Điều 10.
- Đánh giá học sinh khuyết tật: Điều 11.

